

Số: 2818/NĐCP-KHĐT-VT

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 7 năm 2026

V/v: Thư mời khảo sát và báo giá vật tư

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Yêu cầu về hàng hóa

1. Thông tin về vật tư cần mua:

- Tên đơn hàng: Vật tư hóa chất 6 tháng cuối năm 2026
- Số hiệu đơn hàng: 114/ĐH-NĐCP
- Chi tiết Đơn hàng (Chi tiết như bảng kê đính kèm):

Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy

2. Nội dung Hồ sơ chào giá:

a. Yêu cầu về thương mại:

- Đối với các Nhà cung cấp lần đầu tham gia chào giá theo yêu cầu của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, cấp bổ sung hồ sơ năng lực gồm Giấy đăng ký kinh doanh, giới thiệu về công ty, hợp đồng tương tự (cung cấp vật tư hóa chất) cho các công trình công nghiệp...

- Nhà thầu cung cấp Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có).

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước.

- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P. Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 180 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.

- Thời gian giao hàng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào giờ hành chính các ngày thứ 2, thứ 5 trong tuần.

Xử lý tình huống:

- Trong trường hợp Bên B có sẵn hàng hóa và Bên A có nhu cầu sử dụng, Bên B sẽ thực hiện bàn giao hàng hóa theo nhu cầu bằng văn bản của bên A thông qua gửi trực tiếp/Fax/Email.

- Trong trường hợp Bên B giao hàng vào ngày cuối cùng của thời gian thực hiện hợp đồng, không phải là thứ 2 hoặc thứ 5 thì Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào ngày thứ 2/thứ 5 kế tiếp (ngày gần nhất với ngày hết hạn thực hiện hợp đồng) hoặc vào

các ngày kế tiếp theo nhu cầu của Bên A và không tính là vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng.

- Hạn sử dụng: Còn tối thiểu 2/3 thời gian ghi trên bao bì sản phẩm.

- Thời gian thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 60 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

b. Yêu cầu về hàng hóa

- Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa, trừ các trường hợp sau:

+ Với các mục hàng nhập khẩu: có đơn giá từ 20 triệu đồng trở lên hoặc có đơn giá dưới 20 triệu đồng nhưng tổng giá trị mua sắm sau thuế hơn 50 triệu đồng yêu cầu cấp CO, CQ.

+ Với các mục hàng xuất xứ Việt Nam: có đơn giá từ 10 triệu đồng trở lên hoặc có đơn giá dưới 10 triệu đồng nhưng tổng giá trị mua sắm sau thuế hơn 50 triệu đồng yêu cầu cấp CQ của nhà sản xuất.

Ghi chú: CO (CO thương mại): Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp, trên CO thể hiện đơn vị nhập khẩu là Doanh nghiệp/ Hộ kinh doanh...hợp pháp tại Việt Nam; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng hoặc các văn bản có giá trị tương đương của Nhà sản xuất. Yêu cầu cấp bản công chứng. (Nếu số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc). Trong trường hợp CO, CQ được viết bằng ngôn ngữ khác (không phải là tiếng Việt), Nhà cung cấp phải cấp kèm theo Bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật có thẩm quyền.

Trường hợp trên CO không thể hiện rõ tên hàng hoá cung cấp, NCC phải cấp bổ sung các chứng từ liên quan để làm rõ tên hàng hoá cung cấp: Tờ khai hải quan, invoice xoá giá đóng dấu sao y của đơn vị nhập khẩu

- Nhà cung cấp có thể chào giá cho từng phần hoặc toàn bộ hàng hóa theo thư mời.

- Nhà cung cấp có thể chào giá theo mã yêu cầu hoặc hàng tương đương. Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì nhà thầu phải chứng minh sự tương đương hoặc tốt hơn giữa hàng hóa nhà thầu chào với hàng hóa thuộc phạm vi mời chào giá. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu sau (được trình bày bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh):

+ Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương khác (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất, Catalogue/tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa;

+ Văn bản của nhà sản xuất (Có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) khẳng định và cam kết hàng hóa do nhà thầu đề xuất tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật);

+ Bảng so sánh thông số kỹ thuật.

+ Có cam kết hàng hóa do nhà thầu chào đảm bảo tính tương thích, đồng bộ và đảm bảo tính lắp lẫn vào hệ thống/thiết bị của chủ đầu tư đang sử dụng, không gây ảnh hưởng phụ tới công suất, hiệu quả, tuổi thọ thiết bị của chủ đầu tư (không gián tiếp là nguyên nhân phát sinh làm hư hỏng các bộ phận khác trong hệ thống thiết bị). Nhà thầu

cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại gây ra do sự không tương thích hoặc do lỗi vật tư, thiết bị nhà thầu cung cấp gây ra cho các thiết bị

(Trường hợp cần làm rõ, chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu cung cấp bổ sung các tài liệu trên. Nếu Nhà thầu không cung cấp bổ sung được theo yêu cầu của bên mời chào giá hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh mà không gửi kèm dịch thuật sang tiếng Việt/tiếng Anh thì hàng hóa tương đương do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật)

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

1. Hình thức chào giá

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- BCG (theo biểu mẫu đính kèm)

- Hình thức báo giá: ghi rõ nội dung: **Bản chào giá theo thư mời số 2818/NĐCP-KHĐTVT** gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau:

Địa chỉ nhận bản chào giá:

- Phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư - Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

- Địa chỉ: Tổ 4, Khu 4A, P. Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 02033 734 900

- Cán bộ phụ trách: Phạm Thị Tuyết; Điện thoại: 0936 825 989

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào 09 giờ 00' ngày 08/7/2026 .

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./ *fluo*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Trang Web TKV (đăng tải);
- Trang Web ĐLTKV (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, PTT(1).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Hoàng Lân

11.01.2026

Bảng kê chi tiết đơn hàng
(Đính kèm thư mời chào giá số 2818/NĐCP-KHĐTVT ngày 03 tháng 7 năm 2026)

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1.	Diisopropylamine	C6H15N		Lọ	9	
2.	Độ dẫn tiêu chuẩn,	dung dịch chuẩn độ dẫn 5 microsimen/cm conductivity Standard (5 micorosimen at 25 độ C) mã hàng: CON5-25-500ML		Lọ	12	
3.	Dung dịch chuẩn PH	PH 4.01		Lọ	10	
4.	Dung dịch chuẩn	độ PH9.18		Lọ	12	
5.	Ethanol	99% C2H5OH lọ 1000ml		Lọ	4	
6.	Thuốc thử nhanh kiểm tra clo dư	Hama HI 93701-01(Hộp 100 gói)		Hộp	10	
7.	Dung dịch Sodium Nitrate	Nitrate 0,5M, 500ML, 2507149		Bình	4	
8.	Natri Axetat	CH3COONa.3H2O		Lọ	6	
9.	Dung dịch chuẩn độ	PH7.01 500ml		Lọ	5	
10.	1-Amino-2-naphthol-4-sulfonic acid	C10H9NO4S		Lọ	10	
11.	Glycerin	C3H8O3, lọ 500ml		Lọ	6	
12.	Para dimethyl aminobenzaldehyde	C9H11NO (100g/lọ)		Lọ	10	
13.	Na tiêu chuẩn	1g/l(500ml/1 lọ) Mã: 1702380500		Lọ	2	
14.	Si tiêu chuẩn	1g/l, lọ 500ml		Lọ	2	
15.	Fe tiêu chuẩn	1g/l 1g/l (500ml/1 lọ) Mã: 1197810500		Lọ	1	
16.	Dung dịch chuẩn clo dư	1.00mg/l, mã QCI-187 (1 hộp có 24 ống)		Lọ	2	
17.	Natri sunfit	Na2SO3		Lọ	2	
18.	Amonium Molipdat	(NH4) 6Mo7O24.4H2O 500g		Lọ	10	
19.	Axit	H2SO4 98%		Lọ	8	
20.	Axit Tataric	C4H6O6 500g		Lọ	4	
21.	Thiếc II clorua	SnCL2		Lọ	1	
22.	Amoni axetic	CH3COONH4 (500g/1 lọ)		Lọ	2	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
23.	Chi thị ETOO	C ₂₀ H ₁₂ N ₃ NaO ₇ S 25g		Lọ	2	
24.	EDTA	C ₁₀ H ₁₄ N ₂ O ₈ Na ₂ .2H ₂ O (250g/1 lọ)		Lọ	1	
25.	Amoniclorua	NH ₄ Cl (500g/1 lọ)		Lọ	2	
26.	Phốt phát tiêu chuẩn	PO ₄ ³⁻ 1g/l (500ml/1 lọ). Mã: 1198980500		Lọ	1	
27.	NH ₄ OH	tiêu chuẩn 1g/l (500ml/1 lọ) Mã: 1198120500		Lọ	1	
28.	Axid Boric	H ₃ BO ₃ (500g/1 lọ)		Lọ	2	
29.	Sôđa	Na ₂ CO ₃ (500g/1 lọ)		Lọ	2	
30.	Sodium molybdate dihydrate,	Na ₂ MoO ₄ .2H ₂ O (500g/1 lọ)		Lọ	2	
31.	Oxalicacid dihydrate,	(COOH) ₂ .2H ₂ O (500g/1 lọ)		Lọ	1	
32.	Natridodecylsulfate,	CH ₃ (CH ₂) ₁₁ SO ₄ Na (500g/1 lọ)		Lọ	2	
33.	Sắt II amonisunfat,	(NH ₄) ₂ Fe(SO ₄) ₂ (500g/1 lọ)		Lọ	2	
34.	Natri nitrat Hydrophotphat	NaH ₂ PO ₄		Lọ	2	
35.	Axit Clohyric HCl	37%, lọ 500ml		Lọ	2	
36.	Ammoni Solution	NH ₃ lọ 500ml		Lọ	6	
37.	Chất chuẩn độ đục	HI93703-0 (0 FTU)		Lọ	5	
38.	Chất chuẩn độ đục	Chất chuẩn độ đục HI93703-10 (10 FTU)		Lọ	5	
39.	Chất chuẩn độ đục	HI93102-20 (20 NTU)		Lọ	5	
40.	Độ dẫn tiêu chuẩn	84uS/cm 500ml/lọ		Lọ	10	
41.	Độ dẫn tiêu chuẩn	5μS/cm 500ml/lọ		Lọ	2	
42.	Giấy lọc định tính	phi 12,5 cm chấy rung-Hộp 100 tờ		Hộp	2	
43.	Aceton	Aceton		lít	20	
44.	Cồn công nghiệp	70 độ		lít	40	
45.	Kiểm khô	KOH 90% (25kg/bao)		Bao	20	
46.	Natri hydroxit rắn	NaOH 99%		Kg	600	
47.	Dung dịch chuẩn	TSS Q-11356-I-50 (Nồng độ 50mg/l, lọ 500ml)		Lọ	9	
48.	Dung dịch chuẩn	NH ₄ -N Q-11359-I-10 nồng độ 10mg/l, lọ 500ml		Lọ	9	
49.	Dung dịch chuẩn	COD Q-11357-I-200 nồng		Lọ	9	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		độ 200mg/l, lọ 500ml				
50.	Dung dịch chuẩn	COD Q-11357-I-100 (Nồng độ 100mg/l (Lọ 500ml))		Lọ	12	
51.	Dung dịch chuẩn	NH4-N Q-11359-I-5 (Nồng độ 5mg/l (Lọ 500ml))		Lọ	12	
52.	Dung dịch chuẩn	TSS Q-11356-I-100 (Nồng độ 100mg/l (Lọ 500ml))		Lọ	10	

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA HÀNG HÓA

Ngày: (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)
 Tên đơn hàng: (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)
 Số hiệu đơn hàng: (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số TT (Theo thư mời)	Tên vật tư, hàng hóa	Quý cách – Thông số kỹ thuật		Đơn vị tính	Hãng/ nước sản xuất		Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền trước thuế (VNĐ)	Thuế GTGT (VNĐ)		Thành tiền sau thuế (VNĐ)	Thời gian giao hàng
		Theo thư mời	Chào giá		Theo thư mời	Chào giá (ghi đầy đủ hãng/ nước sản xuất)				8%	10%		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Hàng hóa thứ nhất.	
2	Hàng hóa thứ nhất.	
n	Hàng hóa thứ n	
Tổng giá trị										

1. Giao hàng:

- a) Thời gian giao hàng: (Chi tiết theo bảng trên)
- b) Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tò 4, khu 4A, P.Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
- c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa:.....

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.
 - Hàng hóa được sản xuất năm (trở lại đây)
 - Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: (Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).
- 4. Bảo hành (nếu có):**
- 5. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có):**
- 6. Hiệu lực của bản chào giá:.....**

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
 (Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: ở cột số (11); (12): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT ở cột áp dụng thuế suất tương ứng với hàng hóa)